

Bài 37. ĐẶC ĐIỂM SINH VẬT VIỆT NAM

I. MỤC TIÊU CỦA BÀI HỌC

Bài học giúp cho HS :

- Nắm được sự đa dạng, phong phú của sinh vật nước ta.
- Hiểu được các nguyên nhân cơ bản của sự đa dạng sinh học đó.
- Nắm được sự suy giảm và biến dạng của các loài và hệ sinh thái tự nhiên, sự phát triển của các hệ sinh thái nhân tạo.

II. NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý CỦA BÀI HỌC

1. Về tính đa dạng của sinh vật Việt Nam

Đa dạng sinh học là sự phong phú về nguồn gen, về giống loài sinh vật, về các hệ sinh thái trong tự nhiên. Sự đa dạng sinh học thể hiện từ thời tiền sử và ngày càng phát triển qua quá trình biến dị của sinh vật tự nhiên và quá trình chọn giống nhân tạo.

Các nhà khoa học thế giới đánh giá rất cao tính đa dạng của sinh vật Việt Nam. Cho đến nay Việt Nam đã xác định được khoảng 30000 loài sinh vật. Những năm gần đây, ở Việt Nam người ta vẫn tiếp tục phát hiện được nhiều loài sinh vật mới như sao la, bò sừng xoắn, mang lớn...

Chẳng những giàu về loài, Việt Nam còn là nước có rất nhiều kiểu hệ sinh thái đặc sắc, phát triển trên những môi trường địa lí khác nhau : rừng ngập mặn ven biển, rừng kín thường xanh trên núi đá vôi, rừng thưa rụng lá (rừng khộp Tây Nguyên), rừng lùn giá rét đỉnh núi cao v.v... Nổi bật là hệ sinh thái rừng nhiệt đới, với các đặc trưng sau :

- Rừng cây rậm rạp, xanh tốt quanh năm.
- Rừng có nhiều tầng cây. Thảm rừng là tầng cỏ quyết ẩm ướt, tối tăm. Rừng có nhiều cây dây leo, cây phụ sinh, cây có quả trên thân, cây có bạnh vè cao lớn, vững chãi...
- Động vật trong rừng cũng đa dạng, phong phú, màu sắc sặc sỡ (chim, bướm, côn trùng...). Nhiều động vật to lớn như : voi, bò tót, trâu rừng, tê giác một sừng và nhiều loài linh trưởng (khỉ, vượn, voọc...) quý hiếm.

- Chu kì hoạt động ngày đêm rất rõ rệt.

Hệ sinh thái nông nghiệp (HSTNN) : Việt Nam là nước nông nghiệp phát triển từ lâu đời. Các HSTNN ngày càng đa dạng và mở rộng.

- HST bán tự nhiên : nông, lâm kết hợp.

- HST nhân tạo : vườn cây, ao cá, nhà kính, môi trường thủy canh.

Nhiều vùng rộng lớn ở nước ta như đồng bằng châu thổ sông Hồng, sông Cửu Long, vùng đồi trung du biến thành những HSTNN trù phú.

2. Về các nguyên nhân cơ bản dẫn tới tính đa dạng sinh học ở Việt Nam

GV lưu ý các nguyên nhân cơ bản sau :

a) Môi trường sống của Việt Nam thuận lợi : ánh sáng dồi dào, nhiệt độ cao, nước đủ, tầng đất sâu dày, vụn bở...

b) Nhiều luồng sinh vật di cư tới :

- Thành phần bản địa chiếm khoảng hơn 50% số loài tập trung ở 4 khu vực chính là Hoàng Liên Sơn, Bắc Trung Bộ, Ngọc Linh, Lâm Viên.

- Các thành phần di cư chiếm khoảng gần 50%, phân bố như bảng sau đây :

Luồng sinh vật	Tỉ lệ %	Phạm vi sống chính	Đặc điểm sinh thái
Trung Hoa	10	Đông Bắc, Bắc Trung Bộ	Cận nhiệt đới
Hi-ma-lay-a	10	Tây Bắc, Trường Sơn	Ôn đới núi cao
Ma-lai-xi-a	15	Tây Nguyên, Nam Bộ	Nhiệt đới, á xích đạo
Ấn Độ - Mi-an-ma	14	Tây Bắc, Trung Bộ	Cây rụng lá ưa khô

3. Về các vườn quốc gia Việt Nam (VQGVN)

Đây là những nơi nghiêm cấm mọi hoạt động khai thác kinh tế và hành vi phá hoại để rừng tự nhiên được phục hồi và giữ lại bản chất nguyên thủy với sự đa dạng sinh học và những quan hệ cấu trúc vốn có trong tự nhiên.

Một số nét về các VQGVN

STT	Tên vườn	Tỉnh	Diện tích (ha)	HST đặc trưng
1	Cúc Phương	Ninh Bình,...	22 000	Rừng rậm nhiệt đới trên núi đá vôi.
2	Ba Vì	Hà Nội	7 300	Rừng nhiệt đới trên núi.
3	Tam Đảo	Vĩnh Phúc,...	19 000	Rừng nhiệt đới trên núi.
4	Cát Bà	Hải Phòng	15 200	Rừng trên đảo ven biển.
5	Ba Bể	Bắc Kạn	7 610	Rừng trên núi đá vôi.
6	Bến En	Thanh Hoá	16 600	Rừng nhiệt đới chuyển tiếp.
7	Bạch Mã	Thừa Thiên – Huế	22 000	Rừng nhiệt đới chuyển tiếp.
8	Yok Đôn	Đắk Lắk	58 200	Rừng rụng lá.
9	Nam Cát Tiên	Đồng Nai	38 600	Rừng cận xích đạo.
10	Côn Đảo	Bà Rịa – Vũng Tàu	19 000	Rừng trên đảo và ven biển.
11	Tràm Chim	Đồng Tháp	7 500	Đầm lầy nhiệt đới.

III. CÁC THIẾT BỊ DẠY HỌC CẦN THIẾT

- Bản đồ địa lí tự nhiên Việt Nam treo tường (đánh dấu các VQG).
- Tranh ảnh :
 - + Các hệ sinh thái điển hình : rừng, ven biển, hải đảo, đồng ruộng.
 - + Một số loài sinh vật quý hiếm (đã có hình trong SGK hoặc Sách đỏ Việt Nam).
 - + Một số loài sinh vật địa phương.

IV. GỢI Ý TIẾN TRÌNH THỰC HIỆN BÀI HỌC

1. Lời giới thiệu

GV cần đề cập tới các nội dung nêu ra trong lời dẫn, đó là :

- Sinh vật là thành phần chỉ thị môi trường tự nhiên.

- HST là sự thống nhất hữu cơ giữa sinh vật và môi trường sống.
- Việt Nam là môi trường sống thuận lợi cho sinh vật phát triển.

Để giảng phần này, GV có thể đặt các câu hỏi.

Ví dụ : Vì sao nước ta có nhiều loại hoa trái, cây cỏ, động vật ? Chúng phân bố ở đâu ? Chúng có những đặc điểm cơ bản gì ?... Đó là những câu hỏi sẽ được giải đáp trong bài học hôm nay.

2. Gợi ý giảng dạy mục 1 : Đặc điểm chung

GV sử dụng phương pháp đàm thoại hoặc vấn đáp, gợi mở để HS hiểu và nắm vững các nội dung sau đây :

- Sinh vật Việt Nam phong phú, đa dạng.
- Sự thể hiện của tính đa dạng sinh học Việt Nam
 - + Nhiều loài (đa dạng về gen di truyền)
 - + Nhiều HST (đa dạng về môi trường sống)
 - + Nhiều công dụng (đa dạng về kinh tế)
- Sự hình thành đới rừng nhiệt đới gió mùa trên đất liền.
- Sự hình thành khu hệ sinh vật biển nhiệt đới.

GV kết luận : Sinh vật Việt Nam phong phú, đa dạng, phân bố trên mọi miền Tổ quốc và phát triển quanh năm. Chúng tạo nên một bức tranh nhiều màu sắc sinh động và hài hoà.

3. Gợi ý giảng dạy mục 2 : Sự giàu có về thành phần loài sinh vật

GV nêu ra các số liệu :

- Số loài rất lớn : gần 30 000 loài sinh vật
 - + Thực vật : 14 600 loài.
 - + Động vật : 11 200 loài
- Số loài quý hiếm rất cao (theo Sách đỏ Việt Nam)
 - + Động vật : 365 loài
 - + Thực vật : 350 loài

GV có thể giải thích thêm về cuốn "Sách đỏ Việt Nam", về tính đặc hữu, quý hiếm của sinh vật nước ta. Nhắc nhở HS ý thức bảo vệ môi trường, bảo vệ sự đa dạng sinh học.

GV giới thiệu ảnh, tập tính, phân bố của một số loài quý hiếm : sao la, tê giác một sừng, các loài linh trưởng (khỉ, vượn, voọc), sếu đầu đỏ... Hoặc giới thiệu các sinh vật quý hiếm tại địa phương.

GV cho HS trả lời câu hỏi trắc nghiệm trong bài, hướng dẫn HS thảo luận ba nhân tố tạo nên tính đa dạng sinh học ở Việt Nam (như mục II.2 đã nêu trên)

4. Gợi ý giảng dạy mục 3 : Sự đa dạng về HST

- GV lưu ý chương trình Sinh học 8 đã đề cập đến khái niệm HST như thế nào ? Nếu cần, GV có thể nêu lại khái niệm này (Đây là một khái niệm mới so với SGK cũ)

- GV chú ý các HST tự nhiên tiêu biểu ở Việt Nam. Đó là :

+ HST đất ngập nước (cửa sông, ven biển, đầm phá...), đặc biệt là HST rừng ngập mặn.

+ HST đồi núi với các biến thể như rừng kín thường xanh, rừng thưa lá rụng, rừng tre nứa, rừng ôn đới núi cao. Chú ý các VQG đại diện cho các HST đã nêu.

- HST nông nghiệp do con người xây dựng.

GV chú ý cho HS tìm hiểu cơ cấu cây trồng, vật nuôi ở địa phương. Qua đó xây dựng ý thức bảo vệ tài nguyên sinh học, phát triển nền nông nghiệp sinh thái đa dạng, bền vững.

V. GỢI Ý TRẢ LỜI MỘT SỐ CÂU HỎI KHÓ

1. Các VQG có giá trị khoa học và kinh tế - xã hội như thế nào ?

- Giá trị khoa học :

+ VQG là nơi bảo tồn nguồn gen sinh vật tự nhiên.

+ VQG là cơ sở nhân giống và lai tạo giống mới.

+ VQG là phòng thí nghiệm tự nhiên không có gì thay thế được.

- Giá trị kinh tế - xã hội :

- + Phát triển du lịch sinh thái, nâng cao đời sống nhân dân địa phương (tạo việc làm, tăng thu nhập, phục hồi nghề truyền thống, các lễ hội tốt đẹp ở địa phương).
- + Tạo môi trường sống tốt cho xã hội (chữa bệnh, phát triển thể chất, rèn luyện thân thể...)
- + Xây dựng ý thức tôn trọng và bảo vệ thiên nhiên.

2. Vị trí các VQG trên bản đồ (xem hướng dẫn đã nêu ở mục II.3, GV điền sẵn lên bản đồ)